

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
 Đăng ký Kinh doanh**

6103000072
 6103000072 (điều chỉnh lần 1)
 6103000072 (điều chỉnh lần 2)
 2000393273

ngày 12 tháng 5 năm 2006
 ngày 25 tháng 5 năm 2007
 ngày 12 tháng 11 năm 2007
 ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quang
 Bà Chu Thị Bình
 Ông Chu Văn An
 Bà Đinh Ánh Tuyết
 Ông Jean-Eric Jacquemin

Chủ tịch
 Phó Chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang
 Bà Chu Thị Bình
 Ông Chu Văn An
 Ông Thái Hoàng Hùng
 Ông Nguyễn Tân Anh
 Ông Lê Văn Điệp
 Ông Bùi Anh Dũng
 Ông Lê Ngọc Anh

Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Phan Văn Dũng
 Bà Nguyễn Việt Hồng
 Ông Nguyễn Xuân Toán
 Bà Mai Thị Hoàng Minh

Trưởng ban
 Thành viên
 (đến ngày 14 tháng 12 năm 2012)
 Thành viên
 (từ ngày 14 tháng 12 năm 2012)
 Thành viên

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Phường 8
 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
 Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (sau đây gọi chung là “Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.


Thay mặt Ban Giám đốc
Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 62. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-174



Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.388.614.632.763	4.269.271.984.792
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.298.619.003.857	1.092.050.143.361
Tiền	111		31.485.118.507	107.660.976.207
Các khoản tương đương tiền	112		1.267.133.885.350	984.389.167.154
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	128.384.747.714	79.837.226.370
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		138.167.027.714	89.761.306.370
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(9.782.280.000)	(9.924.080.000)
Các khoản phải thu	130	7	577.285.119.435	472.712.160.466
Phải thu khách hàng	131		534.722.242.679	440.462.646.656
Trả trước cho người bán	132		23.369.903.794	26.649.799.035
Các khoản phải thu khác	135		28.275.058.286	19.018.384.867
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(9.082.085.324)	(13.418.670.092)
Hàng tồn kho	140	8	2.228.389.598.540	2.408.809.317.557
Hàng tồn kho	141		2.301.566.070.320	2.462.562.328.071
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(73.176.471.780)	(53.753.010.514)
Tài sản ngắn hạn khác	150		155.936.163.217	215.863.137.038
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.495.455.602	3.358.294.400
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		92.657.134.536	155.420.150.276
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	9	8.942.525.760	8.763.287.256
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	52.841.047.319	48.321.405.106

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.881.317.171.189	2.056.194.027.466
Các khoản phải thu dài hạn	210	11	112.489.382.844	92.225.592.536
Tài sản cố định	220		1.645.650.809.029	1.648.678.615.293
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.291.876.203.564	1.323.306.403.936
Nguyên giá	222		1.676.913.350.862	1.561.336.531.019
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(385.037.147.298)	(238.030.127.083)
Tài sản cố định vô hình	227	13	99.024.434.708	57.062.190.693
Nguyên giá	228		104.256.753.082	60.896.179.479
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.232.318.374)	(3.833.988.786)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	14	254.750.170.757	268.310.020.664
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	9.068.753.530	160.168.753.530
Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.180.000.000	2.180.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		7.000.000.000	207.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(111.246.470)	(49.011.246.470)
Tài sản dài hạn khác	260		114.108.225.786	155.121.066.107
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	91.057.013.097	105.904.990.453
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	6.319.694.503	24.839.504.113
Tài sản dài hạn khác	268		-	4.556.157.655
Lợi thế thương mại	269	17	16.731.518.186	19.820.413.886
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.269.931.803.952	6.325.466.012.258

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.889.148.610.669	4.707.852.603.427
Nợ ngắn hạn	310		4.056.858.838.496	3.565.128.372.484
Vay ngắn hạn	311	18	3.449.058.871.964	2.936.239.690.612
Phải trả người bán	312	19	135.868.027.758	313.623.931.737
Người mua trả tiền trước	313		8.525.302.719	7.607.282.515
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	20	18.446.907.372	64.218.324.764
Phải trả người lao động	315		38.688.257.921	52.666.140.501
Chi phí phải trả	316	21	105.484.633.458	91.187.673.067
Các khoản phải trả khác	319	22	211.370.253.272	35.041.880.688
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	23	89.416.584.032	64.543.448.600
Nợ dài hạn	330		832.289.772.173	1.142.724.230.943
Vay dài hạn	334	24	828.632.880.684	1.129.764.991.861
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	33	-	9.248.315.394
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	25	3.656.891.489	3.710.923.688
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.310.050.470.480	1.538.891.403.059
Vốn chủ sở hữu	410	26	1.310.050.470.480	1.538.891.403.059
Vốn cổ phần	411	26	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		88.506.239.451	88.506.239.451
Quỹ đầu tư phát triển	417		58.470.998.521	41.298.066.764
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.769.908.805	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		271.426.454.467	531.210.227.608
LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ	439	28	70.732.722.803	78.722.005.772
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		6.269.931.803.952	6.325.466.012.258

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

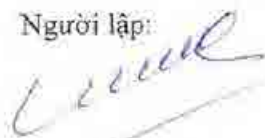
Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
Tiền bằng ngoại tệ: USD		664.110	1.657.292

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	29	7.965.666.905.962	7.083.660.612.588
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	(29.164.778.420)	(45.134.289.780)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	29	7.936.502.127.542	7.038.526.322.808
Giá vốn hàng bán	11	30	(7.050.386.436.392)	(5.989.259.197.437)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		886.115.691.150	1.049.267.125.371
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	62.860.638.501	99.386.100.773
Chi phí tài chính	22	32	(419.351.062.292)	(402.046.481.459)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(412.791.349.076)</i>	<i>(340.901.136.561)</i>
Chi phí bán hàng	24		(403.716.071.737)	(317.523.408.035)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(89.631.724.753)	(98.280.361.276)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		36.277.470.869	330.802.975.374
Thu nhập khác	31		3.937.090.474	8.239.870.443
Chi phí khác	32		(5.763.525.895)	(1.575.586.366)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		(1.826.435.421)	6.664.284.077
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.451.035.448	337.467.259.451
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	(9.301.474.368)	(52.822.946.649)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(9.271.494.216)	(946.468.498)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		15.878.066.864	283.697.844.304

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

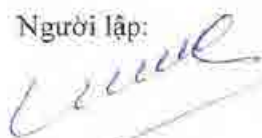
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		15.878.066.864	283.697.844.304
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	28	(961.777.658)	8.299.668.203
Chủ sở hữu của Công ty	62		16.839.844.522	275.398.176.101
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	241	3.934

Ngày 26 tháng 3 năm 2013.

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.451.035.448	337.467.259.451
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		151.886.043.097	92.172.726.929
Các khoản dự phòng	03		12.287.115.500	87.476.978.265
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(3.207.118.308)	(6.214.609.921)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	713.800.200
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06		(50.453.348.851)	(40.159.265.990)
Lỗ thanh lý đầu tư	07		3.758.527.264	-
Chi phí lãi vay	08		412.791.349.076	340.901.136.561
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	09		561.513.603.226	812.358.025.495
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10		(71.968.071.650)	(148.950.150.039)
Biến động hàng tồn kho	11		160.996.257.751	(1.180.515.168.705)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	12		(211.366.178.068)	263.394.303.425
Biến động chi phí trả trước	13		16.710.816.154	-
			455.886.427.413	(253.712.989.824)
Tiền lãi vay đã trả	14		(411.196.349.073)	(352.121.786.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.551.600.129)	(64.297.557.844)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(46.740.849.401)	(56.989.034.976)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		(8.602.371.190)	(727.121.368.908)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(147.230.298.915)	(782.724.873.995)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		919.594.405	-
Tăng tiền gửi có kỳ hạn	24		(114.575.988.828)	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	25		66.170.267.484	7.340.555.968
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	(600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	27		144.235.294.118	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	28		52.456.220.928	37.913.579.798
Tiền thu từ ký quỹ dài hạn	29		4.556.157.655	11.876.818.345
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		6.531.246.847	(726.193.919.884)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vốn góp nhận được từ cổ đông thiểu số	31		-	900.000.000
Tiền vay nhận được	33		9.939.364.492.628	8.799.853.014.423
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.724.216.257.626)	(6.991.132.607.902)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(6.094.297.579)	(6.680.123.049)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		209.053.937.423	1.802.940.283.472
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		206.982.813.080	349.624.994.680
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.092.050.143.361	741.370.744.436
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(413.952.584)	1.054.404.245
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	1.298.619.003.857	1.092.050.143.361

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

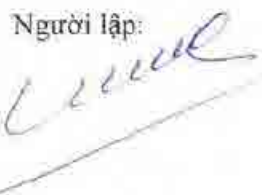
Mẫu B 03 – DN/HN

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

	2012 VND	2011 VND
Giá trị của xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	4.794.769.163	20.492.296.551
Giá trị của chi phí trả trước dài hạn chưa thanh toán	-	5.670.000.000
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chưa nhận được	5.786.178.618	-

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2012	31/12/2011
Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	2370515 do Bang California, Hoa Kỳ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2001.	90,0%	90,0%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.	97,5%	97,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2000.	97,5%	97,5%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 30 tháng 10 năm 2001.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	56-02-000417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	4302000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 9 tháng 2 năm 2006.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	6104000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 7 năm 2008.	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Nuôi trồng và chế biến các sản phẩm thủy sản; sản xuất và kinh doanh giống thủy sản, thực phẩm thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000971566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 26 tháng 5 năm 2010.	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền	Sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, mua bán máy móc và thiết bị nông nghiệp; mua bán thức ăn và nguyên liệu gia súc, gia cầm và thủy sản.	1701635962 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22 tháng 12 năm 2011.	100%	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tập đoàn có 10.421 nhân viên (31/12/2011: 12.068 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của đơn vị, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(ii) Đơn vị hoạt động ở nước ngoài

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định của ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi khoản đầu tư vào đơn vị hoạt động ở nước ngoài được thanh lý một phần hoặc toàn bộ, số dư có liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo các quy định Việt Nam vì nguyên giá thấp hơn 10 triệu VND được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu được phân loại là tài sản sẵn sàng để bán. Các tài sản tài chính còn lại được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả nợ phải trả tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán đều được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển tương giống.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian tương ứng dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng.

(u) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Khác

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	345.225.300	5.157.878.098.880	2.763.024.739.644	15.254.063.718	-	7.936.502.127.542
Doanh thu giữa các bộ phận	53.308.315.942	2.585.613.978.695	60.924.276.305	44.167.359.071	(2.744.013.930.013)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	53.653.541.242	7.743.492.077.575	2.823.949.015.949	59.421.422.789	(2.744.013.930.013)	7.936.502.127.542
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(92.299.594.826)	416.410.713.937	15.045.342.692	5.145.389.452	48.466.043.405	392.767.894.660
Doanh thu hoạt động tài chính						62.860.638.501
Chi phí tài chính						(419.351.062.292)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						36.277.470.869
Thu nhập khác						3.937.090.474
Chi phí khác						(5.763.525.895)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(18.572.968.584)
Lợi nhuận thuần						15.878.066.864

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	-	5.291.427.235.800	1.725.624.384.750	21.474.702.258	-	7.038.526.322.808
Doanh thu giữa các bộ phận	325.981.226.166	1.792.809.399.251	-	33.987.007.120	(2.152.777.632.537)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	325.981.226.166	7.084.236.635.051	1.725.624.384.750	55.461.709.378	(2.152.777.632.537)	7.038.526.322.808
Kết quả kinh doanh của bộ phận	94.436.423.955	513.565.616.307	17.607.094.146	13.563.940.871	(5.709.719.219)	633.463.356.060
Doanh thu hoạt động tài chính						99.386.100.773
Chi phí tài chính						(402.046.481.459)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						330.802.975.374
Thu nhập khác						8.239.870.443
Chi phí khác						(1.575.586.366)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(53.769.415.147)
Lợi nhuận thuần						283.697.844.304

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	360.502.063.988	4.040.775.106.219	1.419.765.335.805	46.165.625.227	(999.079.901.596)	4.868.128.229.643 2.180.000.000 1.385.072.056.123
Tổng tài sản						6.269.931.803.952
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	109.847.125.596	4.214.227.702.558	831.488.418.343	4.706.447.933	(987.715.216.480)	4.172.554.477.950 716.594.132.719
Tổng nợ phải trả						4.889.148.610.669
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Mua sắm tài sản dài hạn Khấu hao và phân bổ	34.392.454.878 22.647.727.312	107.053.797.479 125.554.320.898	- 314.815.220	5.784.046.558 3.369.179.667	- -	147.230.298.915 151.886.043.097

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	451.033.557.164	5.535.732.286.410	829.024.308.810	54.196.867.157	(1.762.791.270.119)	5.107.195.749.422 2.180.000.000 1.216.090.262.836
Tổng tài sản						6.325.466.012.258
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	59.649.088.055	5.238.526.311.741	425.247.088.036	8.600.249.053	(1.748.417.581.568)	3.983.605.155.317 724.247.448.110
Tổng nợ phải trả						4.707.852.603.427
<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>						
Mua sắm tài sản dài hạn Khấu hao và phân bổ	171.068.408.301 7.303.956.263	630.968.988.811 69.245.847.144	- 337.566.663	4.155.208.349 2.830.588.013	(23.467.731.466) -	782.724.873.995 79.717.958.083

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2012	2011
	VND	VND
Việt Nam	53.004.428.258	390.927.291.510
Bắc Mỹ	3.325.212.673.520	3.045.566.192.648
Châu Âu	715.849.045.093	851.883.601.265
Nhật Bản	1.991.492.964.961	1.396.379.739.454
Hàn Quốc	1.191.117.393.991	839.890.899.817
Khác	659.825.621.719	513.878.598.114
	7.936.502.127.542	7.038.526.322.808

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Việt Nam	5.322.249.785.172	5.476.968.264.178
Bắc Mỹ	947.682.018.780	848.497.748.080
	6.269.931.803.952	6.325.466.012.258

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	14.508.151.434	8.768.451.368
Tiền gửi ngân hàng	16.976.967.073	98.892.524.839
Các khoản tương đương tiền	1.267.133.885.350	984.389.167.154
	1.298.619.003.857	1.092.050.143.361

Trong tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 261 triệu VND và 4.311 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 434 triệu VND và 82.279 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 8,0% đến 9,0% (2011: từ 12,0% đến 14,0%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu		
▪ Công ty Cổ phần vận tải dầu khí	6.004.500.000	6.004.500.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	5.263.000.000	5.263.000.000
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	80.000	80.000
Đầu tư ngắn hạn khác		
▪ Các khoản cho vay (*)	7.746.276.778	7.746.276.778
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (**)	119.153.170.936	70.747.449.592
	138.167.027.714	89.761.306.370

(*) Khoản này phản ánh khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm. Các khoản này không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn.

(**) Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 9,0% đến 13,2% (2011: từ 13,2% đến 14,0%) cho các khoản tiền gửi bằng VND và từ 0,1% đến 0,5% (2011: không có) cho các khoản tiền gửi bằng USD trong năm.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	9.924.080.000	8.241.940.000
Tăng dự phòng trong năm	-	1.738.860.000
Chuyển sang từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (thuyết minh 15)	48.900.000.000	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(46.220.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	(2.821.800.000)	(56.720.000)
Số dư cuối năm	9.782.280.000	9.924.080.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng phản ánh khoản phải thu bên thứ ba không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng từ 15 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong phải thu khách hàng và trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 318.573 triệu VND và 651 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 322.091 triệu VND và 1.869 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có số tiền 11.731 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 25.211 triệu VND) là trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Các khoản phải thu khác gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	4.430.530.163	6.433.402.240
Cho người lao động vay (*)	8.580.952.385	10.095.418.099
Phải thu từ giải thể đơn vị được đầu tư	5.786.178.618	-
Các khoản phải thu khác	9.477.397.120	2.489.564.528
	28.275.058.286	19.018.384.867

(*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	200.454.463.851	-
Nguyên vật liệu	88.350.011.869	86.401.393.236
Công cụ và dụng cụ	11.273.071.227	17.349.253.304
Sản phẩm dở dang	86.939.795.679	19.757.428.416
Thành phẩm	1.914.548.727.694	2.254.850.912.465
Hàng hóa	-	84.203.340.650
	2.301.566.070.320	2.462.562.328.071
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(73.176.471.780)	(53.753.010.514)
	2.228.389.598.540	2.408.809.317.557

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	53.753.010.514	17.529.048.781
Tăng dự phòng trong năm	28.644.508.821	64.912.931.787
Hoàn nhập	(9.221.047.555)	(29.030.806.919)
Chênh lệch tỷ giá	-	341.836.865
Số dư cuối năm	73.176.471.780	53.753.010.514

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.643.581 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.777.883 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 325.961 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 920.028 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.728.722.749	8.745.385.149
Thuế thu nhập cá nhân	213.803.011	17.902.107
	8.942.525.760	8.763.287.256

10. Tài sản ngắn hạn khác

Trong tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 49.253 triệu VND tạm ứng cho nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 42.472 triệu VND) để mua quyền sử dụng đất thay cho Tập đoàn.

Trong tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 51.037 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 44.205 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Các khoản phải thu dài hạn

Theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), một công ty con phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Hàng năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

Các khoản phải thu dài hạn thuộc về Mseafood phản ánh khoản thuế chống bán phá giá tạm nộp. Chi tiết của các khoản phải thu này như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008	41.136.174.776	41.136.174.776
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011	45.704.942.372	45.704.942.372
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012	21.898.246.780	5.384.475.388
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.750.018.916	-
	112.489.382.844	92.225.592.536

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	509.701.738.120	941.327.392.968	97.925.735.016	12.381.664.915	1.561.336.531.019
Tăng trong năm	11.843.087.329	14.115.120.677	3.764.152.100	5.180.321.200	34.902.681.306
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	61.024.962.807	3.237.833.163	17.722.734.566	-	81.985.530.536
Thanh lý	-	(1.311.391.999)	-	-	(1.311.391.999)
Phân loại lại	3.172.713.636	(3.172.713.636)	-	-	-
Số dư cuối năm	585.742.501.892	954.196.241.173	119.412.621.682	17.561.986.115	1.676.913.350.862
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	49.919.534.589	167.644.522.149	15.065.302.238	5.400.768.107	238.030.127.083
Khấu hao trong năm	37.398.219.800	93.347.105.235	15.085.874.684	1.567.618.090	147.398.817.809
Thanh lý	-	(391.797.594)	-	-	(391.797.594)
Số dư cuối năm	87.317.754.389	260.599.829.790	30.151.176.922	6.968.386.197	385.037.147.298
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	459.782.203.531	773.682.870.819	82.860.432.778	6.980.896.808	1.323.306.403.936
Số dư cuối năm	498.424.747.503	693.596.411.383	89.261.444.760	10.593.599.918	1.291.876.203.564

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 73.055 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 68.078 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 882.552 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.004.648 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	17.689.478.796	40.850.153.392	2.356.547.291	60.896.179.479
Tăng trong năm	-	-	14.985.000	14.985.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	43.345.588.603	-	43.345.588.603
Số dư cuối năm	17.689.478.796	84.195.741.995	2.371.532.291	104.256.753.082
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	3.138.077.044	695.911.742	3.833.988.786
Khấu hao trong năm	-	1.105.026.902	293.302.686	1.398.329.588
Số dư cuối năm	-	4.243.103.946	989.214.428	5.232.318.374
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	17.689.478.796	37.712.076.348	1.660.635.549	57.062.190.693
Số dư cuối năm	17.689.478.796	79.952.638.049	1.382.317.863	99.024.434.708

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.205 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.048 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 72.261 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 27.656 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	268.310.020.664	595.195.981.730
Tăng trong năm	111.771.269.232	528.701.006.487
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(81.985.530.536)	(832.580.963.353)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(43.345.588.603)	(22.292.204.000)
Xóa sổ	-	(713.800.200)
Số dư cuối năm	254.750.170.757	268.310.020.664

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 245.996 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 250.189 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 1.676 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 25.320 triệu VND).

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	2.180.000.000	2.180.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Quỹ tâm nhìn SSI	-	200.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	7.000.000.000	7.000.000.000
	7.000.000.000	207.000.000.000

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	49.011.246.470	12.131.246.470
Tăng dự phòng trong năm	-	80.394.174.535
Hoàn nhập dự phòng	-	(43.514.174.535)
Chuyển sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (thuyết minh 6)	(48.900.000.000)	-
Số dư cuối năm	111.246.470	49.011.246.470

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng Ký Kinh doanh	% vốn chủ sở hữu	
			31/12/2012	31/12/2011
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng container và cảng vận chuyển hàng hóa, nhà kho, cảng biển xăng, khí đốt và dầu; kinh doanh xăng, dầu, khí đốt, nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất.	6300108975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24 tháng 2 năm 2010.	40%	40%

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.939.881.949	62.474.153.689	18.362.365.671	23.128.589.144	105.904.990.453
Tăng trong năm	-	-	-	7.577.931.502	7.577.931.502
Phân bổ trong năm	(431.084.877)	(3.368.200.435)	(4.080.525.705)	(14.186.496.801)	(22.066.307.818)
Thanh lý	-	(359.601.040)	-	-	(359.601.040)
Số dư cuối năm	1.508.797.072	58.746.352.214	14.281.839.966	16.520.023.845	91.057.013.097

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 không có chi phí trả trước dài hạn (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 66.778 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	30.888.957.000
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	11.068.543.114
Phân bổ trong năm	3.088.895.700
Số dư cuối năm	14.157.438.814
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	19.820.413.886
Số dư cuối năm	16.731.518.186

18. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	3.148.072.571.964	2.626.418.137.945
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 24)	300.986.300.000	309.821.552.667
	3.449.058.871.964	2.936.239.690.612

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	-	-	291.675.753.237
Khoản vay 2	VND	-	-	90.399.220.806
Khoản vay 3	USD	3,5%	85.435.800.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 4	VND	9,0%-17,0%	279.402.989.338	1.107.596.010.539
Khoản vay 5	VND	9,0%	13.236.370.767	695.796.340.372
Khoản vay 6	USD	3,5%-7,0%	1.499.401.930.600	108.004.514.598
Khoản vay 7	VND	-	-	98.417.700.976
Khoản vay 8	VND	-	-	96.516.876.276
Khoản vay 9	USD	3,5%	100.522.762.056	-
Khoản vay 10	USD	3,5%-4,0%	44.499.507.324	-
Khoản vay 11	USD	3,5%-4,0%	729.172.943.474	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Minh Hải				
Khoản vay 12	VND	-	-	107.227.118.389
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 13	VND	-	-	30.784.602.752
Khoản vay 14	USD	3,0%-4,0%	213.856.890.180	-
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 15	USD	3,0%-4,5%	99.231.378.225	-
Ngân hàng Comerica (U.S.A.)				
Khoản vay 16	USD	3,25%	83.312.000.000	-
			3.148.072.571.964	2.626.418.137.945

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền	4.138.969.282	79.105.488.777
Tiền gửi có kỳ hạn	-	22.874.000.000
Phải thu khách hàng	318.572.661.364	322.090.597.392
Hàng tồn kho	1.555.685.951.209	1.719.248.332.059
Tài sản cố định hữu hình	5.807.736.260	30.554.578.797
Tài sản cố định vô hình	3.205.264.572	1.057.378.618
	1.887.410.582.687	2.174.930.375.643

19. Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh khoản phải trả cho bên thứ ba không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	47.273.000	49.009.056.360
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.318.452.460	14.585.240.621
Thuế thu nhập cá nhân	1.061.148.212	624.027.783
Thuế khác	20.033.700	-
	18.446.907.372	64.218.324.764

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	27.395.296.114	20.584.439.623
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 1 năm 2009	54.676.624.200	54.676.624.200
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010	15.926.609.244	15.926.609.244
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2010 đến ngày 31 tháng 1 năm 2011	7.486.103.900	-
	105.484.633.458	91.187.673.067

Thuế chống bán phá giá phải trả tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được quyết toán. Ban Tổng Giám đốc tin rằng thuế chống bán phá giá cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tương tự như tỷ lệ quyết toán cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2011 đến ngày 31 tháng 1 năm 2012, tức là 0%. Khoản thuế phải trả do Tập đoàn ước tính có thể thay đổi theo số thuế thực phải trả được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

22. Các khoản phải trả khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cổ tức phải trả	175.000.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	921.651.909	876.979.684
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	11.000.000.000	11.040.682.989
Lãi vay phải trả	16.594.132.719	14.999.132.716
Hoa hồng phải trả	392.099.083	392.099.083
Tiền thuê đất phải trả	4.779.359.064	5.670.000.000
Phải trả khác	2.683.010.497	2.062.986.216
	211.370.253.272	35.041.880.688

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và phí Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2012 VND
Số dư đầu năm	64.543.448.600
Phân bổ quỹ	52.694.844.634
Sử dụng quỹ	(27.821.709.202)
Số dư cuối năm	89.416.584.032

24. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	429.619.180.684	539.586.544.528
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	700.000.000.000	900.000.000.000
	1.129.619.180.684	1.439.586.544.528
Phải trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 18)	(300.986.300.000)	(309.821.552.667)
Phải trả sau 12 tháng	828.632.880.684	1.129.764.991.861

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm hết hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	VND	14,0%-21,0%	2017	232.979.592.184	287.802.592.184
Khoản vay 2	USD	7,0%-8,0%	2017	196.639.588.500	243.000.559.677
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 3	VND	-	2012	-	2.128.791.124
Khoản vay 4	VND	-	2012	-	1.200.925.083
Khoản vay 5	VND	-	2012	-	852.358.060
Khoản vay 6	VND	-	2012	-	2.458.082.700
Khoản vay 7	VND	-	2012	-	2.143.235.700
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi					
Khoản vay 1	VND	-	2012	-	200.000.000.000
Khoản vay 2	VND	14,0%-19,0%	2013	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản vay 3	VND	14,0%-19,0%	2014	500.000.000.000	500.000.000.000
				1.129.619.180.684	1.439.586.544.528

Các khoản vay ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền	433.075.880	3.607.142.559
Trả trước cho người bán	651.006.121	1.869.400.010
Hàng tồn kho	87.894.595.781	58.634.584.041
Tài sản ngắn hạn khác	51.037.496.700	44.204.986.671
Tài sản cố định hữu hình	876.743.968.576	974.093.022.418
Tài sản cố định vô hình	69.055.991.092	26.598.440.535
Xây dựng cơ bản dở dang	245.996.061.173	250.188.788.748
Chi phí trả trước dài hạn	-	66.778.429.577
		1.331.812.195.323
		1.425.974.794.559

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2012 VND
Số dư đầu năm	3.710.923.688
Trích lập dự phòng trong năm	22.039.002
Sử dụng dự phòng trong năm	(76.071.201)
Số dư cuối năm	3.656.891.489

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã đóng 1.731 triệu VND (2011: 1.324 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	700.000.000.000	177.876.869.236	54.301.347.051	19.700.529.953	-	386.088.364.453	1.337.967.110.693
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	275.398.176.101	275.398.176.101
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	37.979.312.473	-	(37.979.312.473)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(81.647.741.362)	(81.647.741.362)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(17.067.368.685)	-	-	-	(17.067.368.685)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	30.869.632.562	(16.381.775.662)	-	-	30.869.632.562
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	-	(16.381.775.662)
Thuế trên cổ tức chuyển về từ đơn vị ở nước ngoài	-	-	20.402.628.523	-	-	-	20.402.628.523
	-	-	-	-	-	(10.649.259.111)	(10.649.259.111)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	700.000.000.000	177.876.869.236	88.506.239.451	41.298.066.764	-	531.210.227.608	1.538.891.403.059
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	16.839.844.522	16.839.844.522
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	36.092.071.956	13.769.908.805	(49.861.980.761)	-
Cổ tức (thuyết minh 35)	-	-	-	-	-	(175.000.000.000)	(175.000.000.000)
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(51.761.636.902)	(51.761.636.902)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(18.919.140.199)	-	-	(18.919.140.199)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	700.000.000.000	177.876.869.236	88.506.239.451	58.470.998.521	13.769.908.805	271.426.454.467	1.310.050.470.480

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012 và 31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

28. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	78.722.005.772	67.310.550.351
Đầu tư thêm trong năm	-	900.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	(961.777.658)	8.299.668.203
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài tính cho cổ đông thiểu số	-	9.814.166.940
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(933.207.732)	(922.256.673)
Cổ tức	(6.094.297.579)	(6.680.123.049)
Số dư cuối năm	70.732.722.803	78.722.005.772

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	7.931.607.515.820	5.038.683.559.029
▪ Hàng hóa đã bán	-	1.997.966.611.496
▪ Phế liệu đã bán	32.665.364.042	47.010.442.063
▪ Khác	1.394.026.100	-
	<u>7.965.666.905.962</u>	<u>7.083.660.612.588</u>
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(737.022.306)
▪ Hàng bán bị trả lại	(29.164.778.420)	(44.397.267.474)
	<u>(29.164.778.420)</u>	<u>(45.134.289.780)</u>
Doanh thu thuần	<u>7.936.502.127.542</u>	<u>7.038.526.322.808</u>

30. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Thành phẩm đã bán	7.030.855.092.577	4.097.514.849.179
Hàng hóa đã bán	-	1.855.862.223.390
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	19.423.461.266	35.882.124.868
Khác	107.882.549	-
	<u>7.050.386.436.392</u>	<u>5.989.259.197.437</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	50.333.601.356	40.159.265.990
Cổ tức	19.720.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.160.578.818	51.190.013.870
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.346.738.327	8.036.820.913
	62.860.638.501	99.386.100.773

32. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	412.791.349.076	340.901.136.561
Lỗ từ hoạt động đầu tư	3.758.527.264	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.483.365.933	13.860.993.906
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	139.620.019	1.822.210.992
Dự phòng giảm giá đầu tư	(2.821.800.000)	38.562.140.000
Chi phí khác	-	6.900.000.000
	419.351.062.292	402.046.481.459

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Lỗi tính thuế mang sang	2.963.265.883	1.092.899.778
Dự phòng trợ cấp thôi việc	515.257.341	-
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	2.841.171.279	23.746.604.335
	6.319.694.503	24.839.504.113
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(1.376.499.148)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.871.816.246)
	-	(9.248.315.394)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	6.319.694.503	15.591.188.719

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	14.418.626.296	40.582.417.264
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.117.151.928)	12.240.529.385
	9.301.474.368	52.822.946.649
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	9.271.494.216	946.468.498
	18.572.468.584	53.769.415.147

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	34.451.035.448	337.467.259.451
Thuế theo thuế suất của Công ty	8.612.758.862	84.366.814.863
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.054.694	537.228.108
Thu nhập không chịu thuế	(4.930.000)	-
Ưu đãi thuế	(9.877.996.025)	(47.329.119.123)
Chênh lệch thuế suất áp dụng cho tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19.049.054.031	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	7.889.492.181	1.326.498.879
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty con	(1.982.313.231)	2.627.463.035
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(5.117.151.928)	12.240.529.385
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18.572.968.584	53.769.415.147

Theo Nghị định số 60/2012/NĐ-CP (“Nghị định 60”) do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, hoạt động của Công ty nằm trong diện doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực chế biến thủy sản, do đó Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho năm 2012.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang (“Minh Phú – Hậu Giang”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế từ 2011 đến 2026 và 25% sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ 2012 đến 2015 và giảm 50% thuế thu nhập từ 2016 đến 2024. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Quý cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2015 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú (“Tôm sinh thái Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Tôm sinh thái Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2010 đến năm 2024 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tôm sinh thái Minh Phú cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024.

Công ty TNHH một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (“Minh Phú Hòa Điền”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Hòa Điền có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2012 đến năm 2026 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Hòa Điền cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên công ty có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong chín năm tiếp theo. Các qui định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Minh Phú Hòa Điền không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Minh Phú Hòa Điền có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 25%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.839.844.522	275.398.176.101

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2012	2011
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	70.000.000	70.000.000

35. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 14 tháng 12 năm 2012 đã quyết định phân phối cổ tức giữa niên độ năm 2012 bằng tiền là 175.000 triệu VND (2.500 VND/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn gặp phải do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.284.110.852.423	1.083.281.691.993
Tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	119.153.170.936	70.747.449.592
Tài sản dài hạn khác	(ii)	-	4.556.157.655
Các khoản cho vay	(iii)	7.746.276.778	7.746.276.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iv)	553.915.215.641	446.062.361.431
		1.964.925.515.778	1.612.393.937.449

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản dài hạn khác

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản dài hạn khác của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Khoản cho hộ nuôi tôm vay

Khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn. Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn có thể thu hồi khoản vay này bằng việc thu mua tôm thu hoạch được trong tương lai.

(iv) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 15 đến 60 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Gộp	Dự phòng phải thu
	31/12/2012	khó đòi
	VND	31/12/2012
		VND
Trong hạn	520.745.574.895	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	28.807.221.113	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.963.911.085	-
Quá hạn trên 180 ngày	11.480.593.872	(9.082.085.324)
	562.997.300.965	(9.082.085.324)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	402.857.585.168	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	23.383.918.841	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	19.820.857.422	-
Quá hạn trên 180 ngày	13.418.670.092	(13.418.670.092)
	459.481.031.523	(13.418.670.092)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Số dư đầu năm	13.418.670.092	385.956.695
Tăng dự phòng trong năm	-	17.542.577.828
Hoàn nhập	(4.336.584.768)	(4.509.864.431)
	9.082.085.324	13.418.670.092

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay ngắn hạn	3.148.072.571.964	3.295.758.869.465	3.295.758.869.465	-	-	-
Phải trả người bán	135.868.027.758	135.868.027.758	135.868.027.758	-	-	-
Phải trả người lao động	38.688.257.921	38.688.257.921	38.688.257.921	-	-	-
Chi phí phải trả	105.484.633.458	105.484.633.458	105.484.633.458	-	-	-
Các khoản phải trả khác	211.370.253.272	211.370.253.272	211.370.253.272	-	-	-
Vay dài hạn	429.619.180.684	538.124.155.764	119.364.208.967	133.861.744.909	284.898.201.888	-
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	700.000.000.000	815.188.888.889	297.688.888.889	517.500.000.000	-	-
	4.769.102.925.057	5.140.483.086.527	4.204.223.139.730	651.361.744.909	284.898.201.888	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Vay ngắn hạn	2.626.418.137.945	2.737.466.331.233	2.737.466.331.233	-	-	-
Phải trả người bán	313.623.931.737	313.623.931.737	313.623.931.737	-	-	-
Phải trả người lao động	52.666.140.501	52.666.140.501	52.666.140.501	-	-	-
Chi phí phải trả	91.187.673.067	91.187.673.067	91.187.673.067	-	-	-
Các khoản phải trả khác	35.041.880.688	35.041.880.688	35.041.880.688	-	-	-
Vay dài hạn	539.586.544.528	746.959.685.987	154.334.926.812	156.764.482.740	410.247.924.574	25.612.351.861
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	900.000.000.000	1.225.070.888.889	360.070.888.889	340.000.000.000	525.000.000.000	-
	4.558.524.308.466	5.202.016.532.102	3.744.391.772.927	496.764.482.740	935.247.924.574	25.612.351.861

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn chịu rủi ro hối đoái đối với các giao dịch bán hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tập đoàn có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD 31/12/2012	31/12/2011
Tiền và các khoản tương đương tiền	664.110	1.292.170
Phải thu khách hàng	15.856.451	17.578.319
Các tài sản tiền tệ khác	525.195	333.861
Phải trả người bán	(235.657)	(5.180.642)
Vay ngắn hạn	(133.166.795)	(5.185.544)
Vay dài hạn	(9.447.014)	(11.667.014)
Các khoản nợ tiền tệ khác	(1.135.862)	-
	(126.939.571)	(2.828.850)

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1 USD	20,815	20,828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2012 USD (mạnh lên 1%)	(22.112.702.630)
31 tháng 12 năm 2011 USD (mạnh lên 1%)	(1.015.488.441)

Biến động ngược lại của tỷ giá trên có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	1.267.133.885.350	984.389.167.154
Tiền gửi có kỳ hạn	119.153.170.936	70.747.449.592
Tài sản dài hạn khác	-	4.556.157.655
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	-	(200.000.000.000)
	1.386.287.056.286	859.692.774.401
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	16.976.967.073	98.892.524.839
Vay ngắn hạn	(3.148.072.571.964)	(2.736.239.690.612)
Vay dài hạn	(429.619.180.684)	(429.764.991.861)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	(700.000.000.000)	(700.000.000.000)
	(4.260.714.785.575)	(3.767.112.157.634)

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi khiến Tập đoàn chịu rủi ro thay đổi lãi suất. Tập đoàn không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Mỗi thay đổi tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm giảm 13.444 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (31/12/2011: 14.123 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của tất cả các công cụ tài chính, ngoại trừ các khoản đầu tư ngắn hạn được trình bày dưới đây, nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

	31/12/2012	
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	336.000.000	5.263.000.000
▪ Công ty Cổ phần vận tải dầu khí	609.740.000	6.004.500.000
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	136.000	80.000
	945.876.000	11.267.580.000

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Tập đoàn có quan hệ liên quan với công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc, các nhân sự điều hành và công ty sở hữu bởi các cổ đông chính.

Giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang		
Góp vốn	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	1.024.601.700	2.513.949.000

38. Cam kết

(a) Mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	-	9.717.542.656
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	111.279.648.241	222.168.758.738
	111.279.648.241	231.886.301.394

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	2.035.707.000	3.046.978.400
Từ hai đến năm năm	1.577.672.925	6.532.086.300
Sau năm năm	-	845.000.000
	3.613.379.925	10.424.064.700

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.247.223.637.445	6.863.711.011.390
Chi phí nhân công	540.586.407.933	462.232.333.545
Chi phí khấu hao và phân bổ	151.886.043.097	92.172.726.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.503.691.558	335.188.900.077
Chi phí khác	243.511.071.165	134.182.324.025

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

